TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THÁP MƯỜI** **TỈNH ĐỒNG THÁP**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 42/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 02-10-2019
"V/v tranh chấp về hôn nhân gia đình xin ly hôn, nuôi con, chia tài sản khi ly hôn và tranh chấp dân sự về hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THÁP MƯỜI, TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Nguyễn Minh Phường.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Văn Vững;
2. Ông Mai Văn Thanh;

- Thư ký phiên toà: Ông Trần Văn Jét - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tháp Mười, tỉnh Đồng Tháp.

Trong ngày 02 tháng 10 năm 2019, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Tháp Mười, tỉnh Đồng Tháp xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 306/2019/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 7 năm 2019 về việc: "Tranh chấp về hôn nhân gia đình xin ly hôn, nuôi con, chia tài sản khi ly hôn và tranh chấp dân sự về hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 180/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 19 tháng 9 năm 2019, giữa:

1. Nguyên đơn: Chị **Lê Thị Cẩm L**, sinh năm 1977;
Địa chỉ: Ấp B, xã T, huyện Tháp Mười, Đồng Tháp.

2. Bị đơn: Anh **Nguyễn Nhựt Ph**, sinh năm 1977;
Địa chỉ: Ấp B, xã T, huyện Tháp Mười, Đồng Tháp.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Ngân Hàng Chính Sách Xã Hội Việt Nam;
Địa chỉ: Số 169, phố L, phường H, quận H, thành phố Hà Nội;
Người đại diện theo pháp luật: Ông **Dương Quyết T**, chức vụ: Tổng giám đốc;
Người đại diện theo ủy quyền: Anh **Trần Đăng N**, chức vụ: Giám đốc Phòng giao dịch Ngân hàng Chính sách Xã hội huyện T; Địa chỉ: đường 30/4, khóm 3, thị trấn M, huyện Tháp Mười, tỉnh Đồng Tháp; Theo quyết định ủy quyền số 4716/QĐ-NHCS ngày 25/11/2016.

(Các đương sự đều vắng mặt nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện và ý kiến tại biên bản hòa giải, nguyên đơn chị Lê Thị Cẩm L trình bày:*

- Về quan hệ hôn nhân: Chị L và anh Pđược hai bên gia đình tổ chức đám cưới vào năm 1997 nhưng chưa đăng ký kết hôn. Sau khi kết hôn vợ chồng chị sống nhà của ba, mẹ chồng. Trong quá trình chung sống thì anh P thường xuyên nhậu nhẹt, đánh đập vợ con. Chị đã nhiều lần bỏ qua nhưng anh P vẫn không thay đổi đến nay sự việc quá vượt sức chịu đựng của chị. Nay chị L xin được ly hôn với anh Nguyễn Nhựt P.

- Về quan hệ nuôi con: Vợ chồng có 02 con chung tên Nguyễn Nhựt H, sinh năm 1999 và Nguyễn Lộc T, sinh ngày 04/8/2003. Hiện con chung đang chung sống với anh P. Con chung tên H đã trưởng thành, về thể chất và tinh thần phát triển bình thường, tự lao động sinh sống được nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Khi ly hôn chị L đồng ý giao con chung tên T cho anh P tiếp tục nuôi dưỡng, chị L không cấp dưỡng nuôi con chung tên T.

- Về quan hệ tài sản: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về quan hệ nợ: Trong quá trình chung sống thì vợ chồng chị có vay của Ngân hàng Chính sách Xã hội Việt Nam – Phòng giao dịch huyện T số tiền vay vốn tổng cộng là 42.000.000 đồng và tiền lãi phát sinh. Nay khi vợ chồng ly hôn thì chị thống nhất cùng với anh P có nghĩa vụ liên đới trả theo toàn bộ yêu cầu độc lập của Ngân hàng Chính sách Xã hội Việt Nam. Chị thống nhất cùng liên đới với anh P chịu án phí theo quy định của pháp luật. Ngoài ra, chị L không còn trình bày hoặc yêu cầu gì khác.

** Theo ý kiến tại biên bản hòa giải, bị đơn anh Nguyễn Nhựt P trình bày:*

- Về quan hệ hôn nhân: Anh P thống nhất với toàn bộ lời trình bày của chị L. Anh, chị tự nguyện yêu nhau và chung sống với nhau như vợ chồng, nhưng không đăng ký kết hôn. Về mâu thuẫn dẫn đến vợ chồng ly hôn thì anh cũng thống nhất với lời trình bày của chị L. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc nhưng thời gian gần đây thường hay phát sinh mâu thuẫn, cải nhau về chuyện tình cảm. Anh P xác định lại họ và tên là Nguyễn Nhựt P chứ không phải là Nguyễn Nhựt P theo đơn khởi kiện của chị L. Nay tình cảm vợ chồng không còn nên anh Phong đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị Loan.

- Về quan hệ nuôi con: Anh P thống nhất với toàn bộ lời trình bày của chị L, vợ chồng có 02 con chung tên Nguyễn Nhựt H, sinh năm 1999 và Nguyễn Lộc T, sinh ngày 04/8/2003. Hiện con chung tên Hào đã trưởng thành, về thể chất và tinh thần phát triển bình thường, tự lao động sinh sống được, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Riêng con chung tên T thì anh P đồng ý tiếp tục nuôi dưỡng và không yêu cầu chị L cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về quan hệ tài sản: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về quan hệ nợ: Trong quá trình chung sống thì vợ chồng anh có vay của Ngân hàng Chính sách Xã hội Việt Nam – Phòng giao dịch huyện T số tiền vay

vốn tổng cộng là 42.000.000 đồng và tiền lãi phát sinh. Nay khi vợ chồng ly hôn thì anh thống nhất cùng với chị L có nghĩa vụ liên đới trả theo toàn bộ yêu cầu độc lập của Ngân hàng Chính sách Xã hội Việt Nam. Anh thống nhất cùng liên đới với chị L chịu án phí theo quy định của pháp luật. Ngoài ra, anh P không còn trình bày hoặc yêu cầu gì khác.

** Theo ý kiến tại biên bản hòa giải, anh Trần Đăng N là người đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là Ngân hàng Chính sách Xã hội Việt Nam trình bày:*

Anh P và chị Lcó vay của Ngân hàng Chính sách Xã hội Việt Nam – Phòng giao dịch huyện T cụ thể như sau:

Ngày 08/11/2011, vay theo chương trình nhà vượt lũ ĐBSCL với số tiền vay vốn là 20.000.000 đồng, lãi suất là 0,25%/tháng, thời hạn vay là 10 năm, kỳ hạn trả nợ là 12 tháng trả lần với số tiền là 4.600.000 đồng. Ngày 08/3/2017, vay theo chương trình hộ mới thoát nghèo với số tiền vay vốn là 22.000.000 đồng, lãi suất là 0,6875%/tháng, thời hạn vay là 05 năm, kỳ hạn trả nợ là 06 tháng trả lần với số tiền là 2.200.000 đồng. Tính đến nay anh P và chị L không thực hiện nghĩa vụ như cam kết là đã vi phạm nghĩa vụ theo thỏa thuận trong sổ vay vốn giữa hai bên và tính đến ngày 21/8/2019 thì anh P và chị L còn nợ ngân hàng số tiền nợ vay vốn tổng cộng là 42.000.000 đồng và tiền lãi tạm tính là 4.951.000 đồng. Nay chị L và anh P xin ly hôn với nhau thì Ngân hàng Chính sách Xã hội Việt Nam có yêu cầu độc lập như sau: Yêu cầu Tòa án giải quyết buộc anh Nguyễn Nhựt P và chị Lê Thị Cẩm L phải có nghĩa vụ liên đới trả lại Ngân hàng Chính sách Xã hội Việt Nam số tiền nợ vay vốn là 42.000.000 đồng, tiền lãi tạm tính đến ngày 21/8/2019 là 4.951.051 đồng, tổng cộng là 46.951.051 đồng và tiền lãi phát sinh từ ngày 22/8/2019 theo sổ vay vốn mã KH: 110563 và giấy đề nghị vay vốn kiêm phương án sử dụng vốn vay ngày 04/11/2011 cho đến khi trả xong nợ. Ngoài ra, Ngân hàng Chính sách Xã hội Việt Nam không còn trình bày hoặc yêu cầu gì khác.

** Tài liệu chứng cứ trong hồ sơ do đương sự cung cấp gồm:*

1. Giấy khai sinh con chung (bản sao);
2. Giấy CMND và sổ hộ khẩu (bản photo).
3. Quyết định thành lập Phòng giao dịch (đóng dấu treo);
4. Quyết định điều động và bổ nhiệm cán bộ (đóng dấu treo);
5. Giấy CMND (đóng dấu treo);
6. Quyết định ủy quyền (bản photo);
7. Sổ vay vốn (bản photo);
8. Sổ lưu tờ rơi theo dõi cho vay (bản photo);
9. Giấy đề nghị vay vốn (bản photo);
10. Quyết định v/v giao nền trả chậm (bản photo);
11. Biên bản chiết tính (bản photo);
12. Giấy ủy quyền (bản photo);

Các tài liệu trong hồ sơ đương sự thống nhất theo biên bản phiên họp công khai và tiếp cận chứng cứ ngày 19/9/2019.

* *Các tình tiết, sự kiện trong vụ án các bên đương sự thống nhất*: Tài liệu, chứng cứ, về quan hệ nuôi con, về quan hệ tài sản và về quan hệ nợ.

* *Các tình tiết mà các bên đương sự không thống nhất:* Về quan hệ hôn nhân không có đăng ký kết hôn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ pháp luật, Hội đồng xét xử xét thấy: Căn cứ vào đơn khởi kiện ly hôn của chị Lê Thị Cẩm L về việc yêu cầu được ly hôn với anh Nguyễn Nhựt P. Căn cứ vào đơn yêu cầu độc lập của Ngân hàng Chính sách Xã hội Việt Nam về việc yêu cầu Tòa án giải quyết buộc anh Nguyễn Nhựt P và chị Lê Thị Cẩm L phải có nghĩa vụ liên đới trả lại Ngân hàng Chính sách Xã hội Việt Nam số tiền nợ vay vốn là 42.000.000 đồng, tiền lãi tạm tính đến ngày 21/8/2019 là 4.951.051 đồng, tổng cộng là 46.951.051 đồng và tiền lãi phát sinh từ ngày 22/8/2019 theo sổ vay vốn mã KH: 110563 và giấy đề nghị vay vốn kiêm phương án sử dụng vốn vay ngày 04/11/2011 cho đến khi trả xong nợ. Ngoài ra, các đương sự không còn yêu cầu gì khác nên Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật của vụ án này là "Tranh chấp về hôn nhân gia đình xin ly hôn, nuôi con, chia tài sản khi ly hôn" theo quy định tại khoản 1 Điều 28 và "Tranh chấp dân sự về hợp đồng vay tài sản" theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thẩm quyền, Hội đồng xét xử xét thấy: Tranh chấp trên giữa các đương sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 và khoản 3 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự; Bị đơn hiện nay đang cư trú tại ấp B, xã T, huyện Tháp Mười, tỉnh Đồng Tháp nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tháp Mười, tỉnh Đồng Tháp theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về tố tụng:

- Tại phiên tòa, các đương sự đều vắng mặt nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt các đương sự.

[4] Xét yêu cầu của nguyên đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, Hội đồng xét xử xét thấy:

- Về quan hệ hôn nhân: Xét thấy chị L và anh P tự tìm hiểu yêu nhau và được hai bên gia đình tổ chức đám cưới vào năm 1997, mặc dù đã được hai bên gia đình tổ chức đám cưới về sống chung với nhau, nhưng chị L và anh P đã không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật để được công nhận là vợ chồng. Bởi lẽ, tại khoản 1 Điều 14 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014 quy định "*1. Nam, nữ có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật này chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng....*" và khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014 cũng quy định: "*Trong trường hợp không đăng ký kết hôn mà có yêu cầu ly hôn thì Tòa án thụ lý và tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng theo quy*

định tại khoản 1 điều 14 của Luật này....". Đồng thời, do chị L và anh P không đăng ký kết hôn và nay chị L xin ly hôn với anh P nên Hội đồng xét xử không tiến hành hòa giải quan hệ hôn nhân giữa hai người.

Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử không công nhận chị Lê Thị Cẩm L và anh Nguyễn Nhựt P là vợ chồng do không đăng ký kết hôn.

- Về quan hệ nuôi con: Quá trình chung sống chị L và anh P có 02 con chung tên Nguyễn Nhựt H, sinh năm 1999 và Nguyễn Lộc T, sinh ngày 04/8/2003. Hiện con chung đang chung sống với anh Phong.

+ Đối với con chung tên H đã trưởng thành về thể chất, tinh thần phát triển bình thường, tự lao động sinh sống được và chị L, anh P không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt vấn đề xem xét giải quyết.

+ Đối với con chung tên T khi ly hôn, chị L đồng ý để anh P được tiếp tục nuôi con chung tên T, chị L không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Anh P đồng ý tiếp tục nuôi dưỡng con chung tên T và không yêu cầu chị L cấp dưỡng nuôi con. Đồng thời, thỏa thuận này phù hợp với nguyện vọng của con chung tên T.

Chị L và anh P có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung, không ai được quyền ngăn cản.

Hội đồng xét xử xét thấy, việc thỏa thuận của các đương sự là hoàn toàn tự nguyện, không trái quy định của pháp luật. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 246 của Bộ luật tố tụng dân sự công nhận sự thỏa thuận của các đương sự.

- Về quan hệ tài sản: Chị L và anh P thống nhất trình bày là không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt vấn đề xem xét giải quyết.

- Về quan hệ nợ: Chị L và anh P thống nhất trình bày là trong quá trình chung sống chị L và anh P có vay tiền của Ngân hàng Chính sách Xã hội Việt Nam – Phòng giao dịch huyện T, tính đến nay chưa trả vốn và lãi gì cho phía ngân hàng và đây là khoản nợ chung của chị L và anh P. Đồng thời, Ngân hàng Chính sách Xã hội Việt Nam có yêu cầu độc lập là yêu cầu Tòa án giải quyết buộc anh Nguyễn Nhựt P và chị Lê Thị Cẩm L phải có nghĩa vụ liên đới trả lại Ngân hàng Chính sách Xã hội Việt Nam số tiền nợ vay vốn là 42.000.000 đồng, tiền lãi tạm tính đến ngày 21/8/2019 là 4.951.051 đồng, tổng cộng là 46.951.051 đồng và tiền lãi phát sinh từ ngày 22/8/2019 theo sổ vay vốn mã KH: 110563 và giấy đề nghị vay vốn kiêm phương án sử dụng vốn vay ngày 04/11/2011 cho đến khi trả xong nợ.

Chị L và anh P thống nhất cùng liên đới trả theo toàn bộ yêu cầu độc lập của Ngân hàng Chính sách Xã hội Việt Nam. Đồng thời, chị L và anh P thống nhất cùng liên đới chịu án phí theo quy định pháp luật.

Hội đồng xét xử xét thấy, việc thỏa thuận của các đương sự là hoàn toàn tự nguyện, không trái quy định của pháp luật, đồng thời các đương sự đã thỏa thuận được với nhau tại biên bản hòa giải ngày 19/9/2019 của Tòa án và cùng có yêu cầu ghi nhận sự thỏa thuận này vào trong bản án. Do đó, Hội đồng xét xử căn

cứ vào Điều 246 của Bộ luật tố tụng dân sự công nhận sự thỏa thuận của các đương sự.

[5] Tại biên bản hòa giải và đơn xin xét xử vắng mặt, các đương sự xác định ngoài lời trình bày và các chứng cứ đã nộp cho Tòa án ra, thì các đương sự không còn chứng cứ nào khác để chứng minh cho yêu cầu của mình và cũng không yêu cầu Tòa án thu thập thêm chứng cứ nào khác.

[6] Về án phí:

Căn cứ vào Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án, thì chị L phải nộp tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định pháp luật. Đồng thời, chị L và anh P đồng ý cùng liên đới nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Ngân hàng Chính sách Xã hội Việt Nam không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 1 Điều 228 và Điều 246 của Bộ luật tố tụng dân sự; Khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình; Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận chị Lê Thị Cẩm L và anh Nguyễn Nhựt P là vợ chồng.

2. Về quan hệ nuôi con: Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

Anh P được tiếp tục nuôi dưỡng con chung tên Nguyễn Lộc T, sinh ngày 04/8/2003. Chị L không phải cấp dưỡng nuôi con chung tên T do anh P không có yêu cầu.

Chị L và anh P có quyền và nghĩa vụ nuôi dưỡng, chăm sóc, trông nom, giáo dục con chung không bên nào được quyền ngăn cấm.

Anh P cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở chị L trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung.

Đối với con chung tên Nguyễn Nhựt H, sinh năm 1999 đã trưởng thành, về thể chất, tinh thần phát triển bình thường và tự lao động sinh sống được nên Hội đồng xét xử không đặt vấn đề xem xét giải quyết.

3. Về quan hệ tài sản: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về quan hệ nợ: Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

Chị Lê Thị Cẩm L và anh Nguyễn Nhựt P phải đồng ý cùng liên đới trả cho Ngân hàng Chính sách Xã hội Việt Nam số tiền nợ vay vốn là 42.000.000 đồng, tiền lãi tạm tính đến ngày 21/8/2019 là 4.951.051 đồng, tổng cộng là 46.951.051 đồng (Bốn mươi sáu triệu, chín trăm năm mươi mốt nghìn, không trăm năm mươi mốt đồng) và tiền lãi phát sinh từ ngày 22/8/2019 theo sổ vay vốn mã KH: 110563 và giấy đề nghị vay vốn kiêm phương án sử dụng vốn vay ngày 04/11/2011 cho đến khi trả xong nợ.

5. Về án phí:

Chị L phải nộp 300.000 đồng tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà chị Loan đã nộp theo biên lai số 0002362 ngày 08/7/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tháp Mười, tỉnh Đồng Tháp. Chị L đã nộp đủ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Chị Lê Thị Cẩm L và anh Nguyễn Nhựt P đồng ý cùng liên đới chịu 1.174.000 đồng Một triệu, một trăm bảy mươi bốn nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Ngân hàng Chính sách Xã hội Việt Nam không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

6. Các đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ.

7. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền thỏa thuận thi hành án, yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKS huyện Tháp Mười;
- CCTHADS huyện Tháp Mười;
- Lưu hồ sơ vụ án: (Jet).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán-Chủ toạ phiên tòa

Đã ký

Nguyễn Minh Phường